

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH  
NHƯ Ý BẢO AN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG  
ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI

QUYỀN HẠ

(Bách Thiên Ấn Đà La Ni Kinh, đồng quyền, dịch khác)

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty\_ Đặc Tiên Thí Hồng Lô Khanh\_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ\_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụ là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quang Trí\_ Chùa Đại Hưng Thiện\_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Lại nữa Đại Phạm! Lúc **Thiên Đế Thích** (Śakra) đánh nhau với **A Tô La** (Asura) thì **Thiên Đế Thích** thường đem Đà La Ni này đeo giữ ở trong búi tóc trên đỉnh đầu nên chúng của Trời Đế Thích chẳng bị thương tổn, thường đắc thắng và an ổn quay về Cung.

Bồ Tát mới phát Tâm cho đến Bồ Tát ở **Cứu Cánh Địa**, đeo giữ thì hay xa lìa mọi thứ chướng nạn, nghiệp Ma.

Nếu có người đeo Đà La Ni này tức là nơi gia trì của tất cả Như Lai, là nơi hộ niệm của tất cả Bồ Tát. Tất cả người, Trời, quốc vương, vương tử, đại thân, Bà La Môn, trưởng giả thường luôn cung kính lễ bái thừa sự. Tất cả hàng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **A Tô La** (Asura), **Nghiệt Lộ Trà** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kinnara), **Ma Hầu La Gia** (Mahoraga), **Nhân** (Manuṣya), **Phi Nhân** (Amanuṣya) đều cung kính người đeo giữ ấy. Tám Bộ Trời Rồng của nhóm ấy đều nói *người đó là bậc Đại Trượng Phu* (Mahā-puruṣa)

Đức Như Lai lại nói: “*Kẻ trai lành, người nữ thiện ấy đều hay đập nát tất cả Ma Chướng, xa lìa tất cả bệnh tật, xa lìa tất cả tai hoạn, trừ tất cả ưu não, luôn là nơi thủ hộ của tất cả Trời Rồng*”.

Đức Phật bảo: “Này Đại Phạm! Lại có bốn Đà La Ni gọi là **Vô Năng Thắng Phi Đại Tâm Chân Ngôn**. Nếu có ai viết chép, đeo móc trên thân thì thường nên tụng trì, thâm tâm suy tư **Quán Hạnh** ắt hay trừ bỏ mộng ác, việc chướng lành, đều được thành tựu tất cả sự an vui.

“**Án, A mật-lị đa, phộc lệ, phộc la phộc la, bát-la phộc la, vĩ thú đệ, hồng hồng, phả tra phả tra, sa-phộc hạ**”

ॐ ऋमृग वरु वरुसु वरुसु वरुसु वरुसु वरुसु वरुसु

OM\_ AMṚTA VARE\_ VARA VARA PRAVARA VIŚUDDHE\_ HŪM HŪM  
\_ PHAṬ PHAṬ\_ SVĀHĀ

“**Án, A mật-lị đa, vĩ lô chỉ nãnh, nghiệt bà, tăng la khát-sái ni, a yết lị-sái ni, hồng hồng, phả tra phả tra, sa-phộc hạ**”

ॐ ऋमृग विलोकिनि गार्भ्या सम्राक्षणि अकार्षणि वरुसु वरुसु वरुसु वरुसु

OM\_ AMṚTA VILOKINI GARBHA\_ SAMRAKṢAṆI ĀKARṢAṆI\_ HŪM  
HŪM\_ PHAṬ PHAṬ\_ SVĀHĀ



Đại Phạm! Vào thời quá khứ có Đức Phật tên là **Quảng Bác Vi Tiểu Diện Ma Ni Kim Bảo Quang diễm Chiếu Diệu Cao Dũng Vương** (Vipūla-pratita-vadana-sūktva-maṇi-kanaka-ratna-jvala-raśmi-prabha-abhyuṅgata-rāja) **Như Lai Ứng Chính Giác**, lúc mới thành Đạo đi đến **Bồ Đề Trường** (Bodhi-maṇḍa, hay Bodhi-gayā) muốn chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra), tất cả Như Lai xung tán.

Bấy giờ tất cả Ma với vô lượng câu chi na dữu đa quyển thuộc vây quanh, hiện mọi loại hình, phát ra âm thanh đáng sợ, bày ra mọi loại Ma cảnh, hiện làm Thần Thông, tuôn mưa đủ loại khí trượng tràn khắp bốn phương để gây chướng nạn.

Khi ấy **Quảng Bác Vi Tiểu Diện Ma Ni Kim Bảo Quang Diễm Chiếu Diệu Cao Dũng Vương Như Lai** trong phút chốc tịch nhiên an trú, ý tụng **Đại Tùy Cầu Đại Minh Vương Vô Năng Thắng Đại Đà La Ni** này bảy biến.

Vừa tụng Đà La Ni này xong, trong khoảng sát na thì tất cả **Ma Ba Tuần** (Māra-pāpman, hay Māra-pāpīyān) nhìn thấy từ mỗi một lỗ chân lông của Đức Như Lai ấy tuôn ra vô lượng câu chi trăm ngàn na dữu đa **Kim Cương sứ giả** (Vajra-ce.ca), thân mặc giáp trụ tỏa ánh hào quang lớn, đều cầm đao kiếm, búa, dây, gậy, côn, Tam Kích Xoa... đều phát ra lời nói như vậy: *“Bất trối Ác Ma, nghiền nát loài có Tâm ác, chém đứt mạng của chúng, tán nát chư Ma đã gây chướng nạn cho Đức Như Lai, tức là tất cả ác Ma khó điều phục ấy”*

Dùng Đại Uy Lực của Như Lai, ở trong lỗ chân lông hiện ra vị **Đại Trượng Phu** (Puruṣa). Các Chúng Ma ấy buồn thảm té lăn ra đất, đều bị mất: Tụ Tính, Thần Thông, Biện Tài... bỏ chạy tứ tán. Đức Như Lai dùng **cây kiếm Đại Từ** (Mahā-maitra-khaḍga) thắng được Ma cảnh thành **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), liền chuyển **bánh xe Pháp của tất cả Như Lai** (Sarva-tathāgata-dharma-cakra) giống như tất cả Phật. Tất cả loài gây chướng, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka), các Ma ác... thấy đều bị tội hoại. Đức Như Lai liền chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra) vượt khỏi biển lớn sinh tử đến được **bờ bên kia** (Pāramita: ý nói là bờ giải thoát).

Như vậy Đại Phạm! Đà La Ni này có thể lực lớn, hay được Thần Thông đi đến bờ bên kia. Nếu vừa mới nghĩ nhớ thì ở nơi hiểm nguy đều được giải thoát, vui thích thanh tịnh, Hữu Tình có **Tâm Ác** (Duṣṭa-citta) liền khởi **Tâm Đại Từ** (Mahā-maitra-citta). Chính vì thế cho nên, Đại Phạm thường nên ghi nhớ, **tác ý như lý**, y theo Pháp viết chép mà thường đeo giữ.

Lại nữa Đại Phạm! Tại thành **Ô Thiên Na** (Ujayanī) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Thời ấy có một người phạm vào tội nặng, nhà vua ra lệnh giết chết kẻ ấy. Người nhận lệnh đem tội nhân ấy vào trong núi giết chết. Khi vào hang núi, người áp giải tội nhân liền vung đao tính chém chết thì Tội nhân kia, lúc trước có đeo **Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni** này ở cánh tay phải, nay Tâm lại ghi nhớ. Do uy lực của Đại Minh này nên cây đao ấy lóe ra ánh sáng giống như đám lửa rồi gãy ra từng mảnh giống như bụi nhỏ.

Khi nhìn thấy hiện tượng này, người đao phủ kinh ngạc chưa từng có. Liền trình báo đầy đủ cho nhà vua hay. Đức vua nghe xong, rất tức giận lại sai đao phủ đem tội nhân ấy đẩy vào hang Dục Xoa, ở trong hang ấy có rất nhiều **Dục Xoa** (Yakṣa) khiến cho chúng ăn thịt tội nhân này. Người áp lãnh nhận sắc của vua xong, liền đem tội nhân đẩy vào hang Dục Xoa. Khi tội nhân mới vào hang thì chúng Dục Xoa vui vẻ thích thú chạy vội đến phía trước muốn ăn thịt tội nhân ngay. Do tội nhân ấy đeo Đại Tùy Cầu, vì sức Uy Đức cho nên chúng Dục Xoa nhìn thấy trên thân thể của tội nhân ấy có ánh hào quang rực rỡ chiếu soi. Các chúng Dục Xoa rất sợ hãi đều nghĩ rằng: *“Lửa này muốn thiêu cháy chúng ta”*. Chúng Dục Xoa ấy thấy việc đẩy xong thì rất kinh sợ, liền đẩy tội nhân ra ngoài cửa hang rồi vây quanh lễ bái.

Khi ấy, Sứ giả lại trình báo đầy đủ cho vua hay. Nghe xong, nhà vua càng giận dữ hơn nữa, lại sai sứ giả cột tội nhân lại ném xuống sông sâu. Sứ giả vâng lệnh thi hành. Lúc tội nhân ấy vừa rơi xuống sông thì nước sông liền khô cạn giống như đất bằng (lục địa) và tội nhân kia liền đứng trên bờ, sợi dây cột trói tội nhân mỗi mỗi đứt đoạn từng mảnh.

Nhà vua nghe qua việc này thì rất kinh ngạc, vui vẻ mỉm cười, sinh đại kỳ đặc liền kêu tội nhân đến hỏi duyên cớ: “*Vì sao người lại thoát được nạn?*”

Tội nhân đáp: “*Tâu Đại Vương! Tôi không có thể tự giải thoát được (Sở dĩ tôi được thoát nạn) vì trên thân của tôi có đeo **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đà La Ni***”

Vua liền khen ngợi: “*Thật là lạ lùng! Đại Minh này quả là vi diệu hay đẹp tan tội chết*”. Rồi nói **Già Đà** (Gāthā) rằng :

“**Đại Minh** thật vi diệu !

Hay phá tan tội chết

Nơi chư Phật gia trì

Cứu giúp các Hữu Tình

Hay giải thoát bệnh khổ

Uy Đức của Đại Minh

Giải thoát sự chết yểu

**Đại Bi Tôn** đã nói

Hay chận bệnh tật lớn

Mau chóng **Đại Bồ Đề** (Mahā-bodhi)”

Bấy giờ nhà vua vui mừng hơn hờ liền lấy **Tùy Cầu** đó cúng dường lễ bái và đem vải lụa cột trên đầu người bị tội, ban cho dây lụa Quán Đỉnh và xưng là **Thành Chủ** (Pháp của 5 nước Thiên Trúc. Nếu nhận vinh dự của chức quan (quan vinh) đều dùng vải lụa cột trên đầu, Quán Đỉnh, sau đó mới nhận chức)

Như vậy Đại Phạm! **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đại Đà La Ni** này. Nếu có người đeo cột thì ở tất cả nơi chốn đều được đại cúng dường. Nếu chúng sinh có Tâm ác khó điều phục, đều khởi Tâm Từ và cùng nhau thuận phục. Vì thế nên thường đeo giữ Đại Đà La Ni này.

\_ Lại nữa Đại Phạm! Nếu muốn đeo Đà La Ni này thì nên lựa ngày tốt, Tú tốt, giờ tốt... y theo Pháp viết Đà La Ni này

Thời Đại Phạm Vương nghe lời dạy đó xong thì rất vui vẻ, cúi năm vóc sát đất, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Dùng phương pháp nào để viết chép **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni** này?”

Bấy giờ Đức Như Lai liền nói **Già Đà** bảo Đại Phạm rằng:

“\_ Đại Phạm! Ông nên biết

Nay Ta vì ông nói

Thương nhớ các Hữu Tình

Khiến được an vui lớn

Mau lìa nghiệp bức bách

Giải thoát các bệnh tật

Phụ nữ được mang thai (*người cầu con được như ý*)

Hữu Tình lìa nghèo túng

Nghiệp khốn khó đều trừ

\_ Nên vào giờ **cát Tú** (Sao Tú trực tốt)

Bày *sa tú* (Tinh tú làm bằng cát) tương ứng

Cần phải giữ Trai Giới

Mà cúng dường chư Phật  
Phát Tâm Đại Bồ Đề  
Lại sinh Tâm Bi Mẫn  
Với khởi Tâm Đại Bi  
Nghĩ lợi ích cho người  
Khắp các loại Hữu Tình  
Hương Long Não, **Chiên Đàn** (Candana)  
Dùng nước hương này tắm  
Mặc quần áo mới sạch  
Liên đốt hương xông ướp  
Nên dùng **Cù Ma Di** (Komayī: phân bò)  
Tô **Mạn Trà La** (Maṇḍala) nhỏ  
Nên lấy năm Hiền Bình  
Đều chứa đầy nước thơm  
Cắm các loại hoa quả  
Đặt ở bốn góc Đàn  
Còn một cái giữa Đàn  
Vòng hoa với hương đốt  
Với hương xoa màu nhiệm  
Nên đốt Ngũ Vị Hương  
**Đàn hương, Táp Tất Ca**  
**Tô Hợp, Trầm, Thạch Mật**  
Hòa hợp rồi thiêu đốt  
Đủ mọi thứ diệu hoa  
Các hoa quả, hạt giống  
Tùy thời đem cúng dường  
Hương xoa dùng nghiêm sức  
Tô, Mật với sữa, Lạc  
Miến, Lúa và cháo sữa  
Chứa đầy vật cúng dường  
Ứng lượng đều tốt lành  
Dùng chén bát sứ chứa  
Bốn góc đầy mùi thơm  
Cọc gỗ **Khur Đà La** (Khadira)  
Đóng ở bốn góc Đàn  
Dùng chỉ Ngũ Sắc cột  
\_ Ở ngoài bốn góc Đàn  
Đại Phạm dùng Nghi này  
Nếu cầu xin **Tất Địa** (Siddhi)  
Nên ăn *Tam Bạch Thực* (3 thức ăn màu trắng)  
Vẽ **người Tùy Cầu** này  
Nên ngồi ở trong Đàn  
Trái chiếu bằng tranh cỏi  
Y Pháp mà tô vẽ  
Hoặc lụa trắng, lụa màu  
Hoặc dùng vỏ cây hoa  
Hoặc lá hoặc vật khác  
Viết **Đà La Ni** này

\_ Người nữ cầu xin con  
Nên dùng **Ngưu Hoàng** vẽ  
Chính giữa đặt **Đồng Tử** (Kumāra)  
Anh Lạc trang nghiêm thân  
Bát chứa đầy trân bảo  
Dùng tay trái cầm giữ  
Ngồi ngay trên hoa sen  
Lá sen đều nở rộng  
Lại ở góc phía Tây  
Tô vẽ bốn núi báu  
Dùng vàng báu tô núi  
Ăn cần nên tô vẽ  
Hay khiến thai an ổn

\_ Trượng Phu cầu xin con  
Nên dùng **Uất Kim** (màu vàng nghệ) vẽ  
Ắt việc mong cầu ấy  
Thầy đều được thành tựu

\_ Ở bốn mặt Chân Ngôn  
Nên vẽ mọi loại Ấn  
Lại vẽ đóa hoa sen  
Hoặc hai, hoặc ba, bốn  
Cho đến năm hoa sen  
Hoa ấy đều hé nở  
Tám cánh đủ râu nhụy  
Cuồng hoa dùng lụa buộc  
Trên hoa vẽ **Tam Kịch**  
Trên **Kịch** lại buộc lụa  
Lại vẽ cây búa lớn (Phủ việt)  
Cũng ở trên hoa sen  
Lại vẽ hoa sen trắng  
Bên trên vẽ cây kiếm  
Lại ngay trên hoa sen  
Tô vẽ ngay **Thương Khư** (Śaṅkha: vỏ ốc)  
Các hoa sen đã vẽ  
Đều ở trong ao báu

\_ Nếu Trượng Phu đeo giữ  
Chẳng nên vẽ **Đồng Tử**  
Nên vẽ hình người Trời  
Mọi thứ báu trang nghiêm

\_ Nếu Đế Vương đeo giữ  
Chính giữa nên tô vẽ  
**Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara)  
Lại ở nơi bốn mặt  
Vẽ mọi loại Ấn Khế

\_ Nếu là **Bật Sô** (Bhikṣu: Tỳ khưu) đeo  
Nên vẽ **Tri Kim Cương** (Vajra-dhāra)  
Phải: cầm chày Kim Cương  
Quyển trái dựng ngón trở  
Nghĩ loài khó điều phục  
Lại nên ở bốn góc  
Vẽ bốn vị Thiên Vương

\_ **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) đeo giữ  
Tô vẽ **Y Xá Na** (Īśana: Tụ Tại Thiên)

\_ Nếu **Sát Lợi** (Kṣatriya) đeo giữ  
Vẽ **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara: Đại Tụ Tại Thiên)

\_ Nếu **Tỳ Xá** (Vaiśya) đeo giữ  
Tô vẽ **Thiên Đế Thích** (Indra)  
Hoặc vẽ **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa)

\_ Nếu **Thủ Đà** (Śūdra) đeo giữ  
Nên vẽ **Na La Diên** (Nārāyaṇa)

\_ Đồng nam hoặc đồng nữ  
Vẽ **Ba Xà Ba Đề** (Prajāpati: Sinh Chủ, tên của vị Phạm Thiên)

\_ Người nữ sắc xanh, đeo  
Vẽ **Lô Đà La Thiên** (Rudra)

\_ Người nữ sắc trắng, đeo  
Nên vẽ **Danh Xưng Thiên**

\_ Nếu người nữ mập béo  
Nên vẽ **Bảo Hiên Tướng** (Maṇi-bhadra)

\_ Người nữ gầy ốm, đeo  
Vẽ **Mãn Hiên Dược Xoa** (Pūrṇa-bhadra-yakṣa)

\_ Nếu phụ nữ mang thai  
Nên vẽ **Đại Hắc Thiên** (Mahā-kāla)  
Hoặc vẽ **Phạm Thiên Vương** (Brahma-deva-rāja)

\_ Như vậy các loại người  
Đều vẽ Bản Sở Tôn  
Y Pháp mà vẽ chép  
Thường đeo ở trên thân  
Mong cầu đều như ý

\_ Vàng, đồng làm Hoa Sen  
Ổ trên đặt **Bảo Châu**  
**Như Ý** (Cintā-maṇi), hình rục lửa

Đặt trên đầu cây phượng  
Ở trong viên ngọc này  
An trí **Đại Tỳ Cầu**  
Ở trong Tỳ Cầu đây  
Vẽ vị **Chủ Ấp Thành**

\_ Nếu nhà cửa của mình  
Dựng **Tỳ Cầu Sát** (cây cột Tỳ Cầu) này  
Thì vẽ *Bản gia chủ* (chủ nhà)  
Ở bốn mặt Tỳ Cầu  
Chung quanh vẽ hoa sen  
Ở trên nhụy thai hoa  
Vẽ một **sợi dây lụa** (Pāśa)  
**Chày Kim Cương** (Vajra), **bánh xe** (Cakra)  
**Cây bông** (Daṇḍa), **Xước Khất Để** (Śakti )  
Các Khế Ấn như vậy  
Đều ngay trên hoa sen  
Trên **Sát** (cây cột) treo phan lụa  
Nên như Pháp cúng dường  
Do **Tỳ Cầu Sát** (cây cột Tỳ Cầu) này  
Hay hộ nước, thành, ấp  
Vớ hộ giúp gia tộc  
Trừ diệt hết tai hoạ  
Ôn dịch, các bệnh tật  
Đói khát chẳng lưu hành  
Kẻ địch khó xâm hại  
Quốc thổ đều an vui

\_ Nếu gặp trời quá nắng  
Hoặc lúc mưa ú trệ  
Nên vẽ Rồng chín đầu  
Trên đầu có *bảo châu*  
Tỏa ra ánh lửa mạnh  
Ngay trên tim của Rồng  
Vẽ một chày Kim Cương  
Ở bốn mặt thân Rồng  
Vẽ **Đại Tỳ Cầu** này  
Đặt ở trong cái rương  
Cũng đặt trên cột phượng  
Ứng thời tuôn mưa ngọt (Cam Vũ)  
Mưa ú trệ liền tạnh

\_ Thương Chủ dẫn mọi người  
Hoặc dưới nước trên bờ  
Các thương nhân đeo giữ  
Nên vẽ hình Thương Chủ  
Như trước đặt trên cột  
Lìa giặc cướp, sợ hãi  
Thấy đều đến bờ kia



Vì thế nên siêng năng  
Đeo giữ và đọc tụng  
Cát tường diệt các tội

\_ Nếu là người niệm tụng  
Nên vẽ Tôn của mình

\_ Nếu **Nhật** (Sūrya), **Nguyệt** (Soma), **Huỳnh Hoắc** (Aṅgāraka: Hỏa Tinh)  
**Thần Tinh** (Budha: Thủy Tinh) với **Tuế Tinh** (Vṛhaspati: Mộc Tinh)  
**Thái Bạch** (Śukra: Kim Tinh) và **Trần Tinh** (Śanaīścara: Thổ Tinh)  
**Tue** (Ketu: Sao chổi) và **La Hầu Diệu** (Rāhu: Hoàng Phan Tinh, Thực Thần)  
Nhóm **Cửu Cháp** (Nava-graha) như vậy  
Lần bức **Bản Mệnh Tú**  
Gây ra các tai họa  
Thấy đều được giải thoát

\_ Hoặc có người Thạch Nữ (Phụ nữ không thể sinh con)

**Phiên Xá Bán Xá Ca**  
Các loại người như vậy  
Do đeo Đại Tùy Cầu  
Liên có thể có con  
Nếu loại này đeo giữ  
Nên vẽ **Cửu Cháp Diệu** (Nava-graha)  
**Hai mươi tám Tú Thiên** (Aṣa-viṃśatīnām-nakṣatrānām)  
Giữa vẽ hình người đó  
Mong cầu đều như ý  
Như Thế Tôn đã nói  
Đắc được nơi tối thắng  
Đời này và đời khác  
Thường được vui thù thắng  
Ba mươi ba cung Trời  
Tùy ý liền sinh vào  
Vui thích **Thiểm Bộ Châu** (Jambūdvīpa)  
Nhà Tộc Tính tối thắng  
Được sinh vào Tộc ấy  
Hoặc sinh **Sát Lợi Thiên**  
Hoặc nhà **Bà La Môn**  
Do đeo Đại Tùy Cầu  
Sinh nơi thù thắng này  
\_ Viết chép, giữ, đọc tụng  
Ỗ Pháp mà đeo giữ  
Sinh về **cõi An Lạc** (Sukhavatī: Cực Lạc)  
Hóa sinh trong hoa sen  
Quyết định chẳng nghi ngờ  
Tất cả chư Như Lai  
Khen ngợi công đức này  
Xung dương không cùng tận  
Đóng chặt cửa Địa Ngục  
Hay mở các lối Trời (Thiên thú)

An vui đều thành tựu  
Trí Tuệ đều viên mãn  
Chư Phật và Bồ Tát  
Thường an ủi người ấy  
Thân thường nhận khoái lạc  
Mạnh khỏe có Đại lực  
Như Lai thành thật nói  
Sẽ được **Chuyển Luân Vị** (Địa vị Chuyển Luân Thánh Vương)  
An ủi chúng Trời người  
Loài Tâm ác kinh sợ

\_ Tu **Đà La Ni** này  
Chẳng lâu sẽ đắc được  
Chẳng bị đao gây thương  
Thuốc độc và nước, lửa  
Thầy đều chẳng thể hại  
Phi mệnh và chết yểu  
Các tội đều xa lìa  
Thấy, nghe và chạm thân  
Ở tất cả thời xứ  
Quý Mỹ với đấu tranh  
Sợ hãi... đều tiêu diệt  
Trùng ác với rắn độc  
Ngục tù đều giải thoát  
Mọi loại tật bệnh nặng  
Thầy đều trừ diệt hết

\_ Do tu trì **Minh** này  
Ở các chúng **Ma La** (Māra: chướng ngại, loài Ma)  
Không ngại, được thông đạt  
Hay ở tất cả chốn  
Đều được cúng dường lớn  
Trong người được tối thắng  
Gia hộ tu Chân Ngôn

## TU HÀNH TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI \_PHẨM THỨ HAI\_

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Đại Phạm, nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ tụng) rằng:  
“\_ Nay Ta vì ông nói  
Người tu hành Trì Minh  
Nói nghi tắc gia hộ  
Thương nhớ các Hữu Tình  
Do sự ủng hộ này  
Đắc được thành tựu lớn  
Các phương xứ cư ngụ  
Dùng làm **Gia Trì** này

Đắc được *Vô Chương Ngại* (không có chương ngại)  
Tâm quyết định không nghi  
Không sợ không nhiệt não  
Trừ diệt tất cả My  
Tùy thuận nơi **Tú** (Nakṣatra) **Diệu** (Grahā)  
Hay đoạn Nghiệp *câu tóa* (xiềng xích cột trời)  
*Ác thực* (thức ăn ác), *ác khiêu mạch* (việc ác đột ngột xảy ra)  
Yém Thư... đều tiêu diệt  
Chẳng bị các **oan gia** (Śatrū)  
Lấn hiếp gây thương tích  
Ác thị (mắt nhìn lộ vẻ hung ác) với áp đảo  
Chú, thuốc với Cổ Độc  
Nơi nguy hiểm, địch quân  
Nơi oán địch đáng sợ  
Tất cả đều tiêu dung

\_ Do sức Đại Tùy Cầu  
Chư Phật đều ủng hộ  
**Nhất Thiết Trí Bồ Tát**  
Thầy đều làm gia hộ  
Duyên Giác và Thanh Văn  
Vớ nhiều chủng loại khác  
Trời Rồng đại uy đức  
Đều cùng nhau ủng hộ

\_ Người tụng Mật Ngôn này  
Do mới nghe điều này  
**Minh Vương Tối Thắng Tôn**  
Tất cả nơi Vô úy (không sợ hãi)  
**Mâu Ni** (Muṇi) nói điều này  
Mộng ác, việc làm ác  
Sự bức bách cực ác  
Bệnh tật vây quần thân  
Bệnh gây tiêu xương thịt  
Vớ nhiều loại bệnh khác  
Định sang (Ung nhọt) các độc thũng (Gân thịt sưng vù lên)  
Ác chú (bệnh về mùa Hè) với tai họa  
Cắn nhai các Hữu Tình  
Làm Hữu tình tổn hại  
Việc đáng sợ, hại lớn  
Thầy đều được trừ diệt  
Do gia hộ Đại Minh  
Dùng **Minh** này gia hộ  
Sắp chết, được giải thoát

\_ Nếu dùng dây lụa đen  
Đem đến **cung Diêm Ma** (Yama-pura)  
Mệnh lại tăng tuổi thọ  
Do viết đeo **Đại Hộ**

\_ Nếu người hết tuổi thọ  
Sau bảy ngày sẽ chết  
Vừa vẽ đeo Minh này  
**Vô Thượng Đại Gia Hộ**

\_ Hoặc nếu vừa nghe qua  
Y theo Pháp gia trì  
Nơi nơi được an ổn  
Tùy ý nhận an vui

\_ Sáu mươi tám Câu Chi  
Một trăm Na Dữu Đa  
Ba mươi ba chư Thiên  
Trợ giúp cho Đế Thích  
Đến hộ giúp người này  
Tùy đi theo gia hộ

\_ Bốn **Đại Hộ Thế Vương** (Mahā-loka-pāla-rāja)  
**Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi), **Đại Lực** (Mahā-bala)  
Một trăm **Minh Tộc Chúng** (Vidya-kulāya-gaṇa)  
Thường gia hộ người ấy  
\_ **Nhật Thiên** (Āditya-deva) và **Nguyệt Thiên** (Candra-deva)  
**Phạm Vương** (Brahma-rāja) và **Tỳ Nữu** (Viṣṇu)  
**Tự Tại** (Īśana), **Dạ Ma Thiên** (Yama-deva)  
**Bảo Hiền** (Maṇi-bhadra) với **Lực Thiên** (Bala-deva)  
**Mãn Hiền** (Pūrṇa-bhadra), **Đại Dũng mãnh** (Maha-vira)  
**Ha Lị Đế** (Hārṭye) cùng Con  
**Bán Già La** (Pañcala), **Bán Chi** (Pañcika)  
**Câu Ma La Chúng Chủ** (Kumāra-gaṇapati)  
**Cát Tường Đại Minh Phi** (Śrī-mahā-vidya-rājñī)  
**Đa Văn** (Vaiśravaṇa) và **Biện Tài** (Sarasvatī)  
**Thương Khí Ni** (Śamkhini), **Hoa Xỉ** (Puṣpa-danti)  
**Nhất Kế** (Eka-jāta), **Đại Uy Đức** (Mahā-teja)  
**Đại Dược Xoa** (Mahā-yakṣa) như vậy  
Thường thường sẽ ủng hộ

\_ Thạch nữ ngưng sinh con  
Mang thai đều tăng trưởng  
Thường gia hộ người ấy  
Cho đến giữ thọ mệnh

\_ Trượng Phu thường được thắng  
Nơi chiến đấu sợ hãi  
Do mãn các nguyện này  
Do y **Tịnh Tín Thiên**  
Các tội đều tiêu diệt

\_ Do viết **Đại Minh** này  
Chư Phật thường quán sát

## **Đại uy đức Bồ Tát**

Danh xưng ấy tăng trưởng  
Phước thọ cũng như thế  
Tài cốc (tiền của lúa gạo) đều phong thịnh  
Đắc được thầy không nghi  
Ngủ nghỉ và thức tỉnh  
Thầy đều được an vui  
Oan gia và Quỷ Thần  
Đều chẳng dám hủy hoại  
Lúc đang ở chiến trường  
Thường đều được đắc thắng

\_ Nếu lúc tu Mật Ngôn

**Hộ** này là tối thắng  
An vui tu các **Minh**  
Đều được không chướng ngại  
Tất cả **Mật Ngôn Giáo**  
Thầy đều được thành tựu  
Thâm nhập tất cả **Đàn** (Maṇḍala)  
Mau thành **Tam Muội Gia** (Samaya)  
Cho đến ở đời sau  
Chư Phật đều ủy ký (giao phó việc)

\_ Do trì **Đại Hộ** này

Các Cát tường đều mãn  
Ý nguyện đều thành tựu

\_ Do mới viết **Minh** này

Tất cả vui (lạc) phong thịnh  
An vui buông tuổi thọ  
Ắt sinh về nẻo lành (Thiện Thú)

\_ Muốn sinh cực lạc quốc

Trì đeo **Minh Vương** này  
Quyết định không nghi hoặc

\_ Đấu tranh nơi kiện cáo

Trong chiến trận đáng sợ  
Đều xa lìa sợ hãi  
Như Phật thành thật nói  
Thường được **Túc Mệnh Trí**  
Đời đời đều không nghi  
Quốc vương đều vui vẻ  
Quyến thuộc với Hậu Cung  
Hết thầy thường cung kính  
Thường hoà cùng người thiện  
Thầy đều sinh thương xót  
Người cùng với chư Thiên  
Khiến chớ che giúp đỡ

Suốt cả ngày lẫn đêm  
**Đại Hộ Thành Tựu Minh**  
**Đấng Chính Giác** đã nói

Bấy giờ Đức Bạc Già Phạm liền nói **Tuỳ Cầu Đại Hộ Minh Vương Đại Tâm Đà La Ni** là:

**“Năng mô mẫu đà gia (NAMO BUDDHĀYA )**  
**Năng mô đạt ma dã (NAMO DHARMĀYA)**  
**Ná mạc tăng già dã (NAMAḤ SAMGHĀYA)**  
**Năng mô Bà nga phộc đế, xả chỉ-dã mẫu năng duệ, ma ha ca lỗ ni ca dã, đát**  
**tha nghiệt đát dạ la-ha đế, tam miệu tam mẫu đà dã (NAMO BHAGAVATE**  
**‘ŚĀKYAMUṆĀYE MAHĀ-KĀRUṆĪKĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE**  
**SAMYAKSAMBUDDHĀYA)**

**Ná mạc tát đáp tỳ-dược tam miệu tam một đệ tỳ-dược (NAMAḤ**  
**SAPTEBHYAḤ SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ)**

**Ế sam, ná mạc sa khát-lị đát-phộc (EṢĀM NAMAḤ SKṚTVĀ)**  
**Mẫu đà xả bà năng vật-lã đà duệ (BUDDHA ŚASANA VRDHAYE)**  
**A hạ nhĩ ná nãnh-dần (AHAMIDĀNYĀM)**  
**Tam bát-la phộc khát-sái mính (SAMPRĀVA KṢA ME)**  
**Tát phộc tát đát-phộc nô kiếm bả dạ (SARVA SATVĀ DAKĀMPAYA)**  
**I hàm vĩ niệ, ma hạ đế nghệ (IMĀM VIDYĀ MAHĀ TEJĪ)**  
**Ma hạ ma la bả la khát-la hàm (MAHĀ MĀLA PARĀKRA MĀM)**  
**Duệ thấp bà sử đam ma đát-la diễm (YE ŚYAM BHIṢITAM MĀTRĀYAM)**  
**Phộc nhật-la sa năng ma nãnh sử tị (VAJRĀSANA MANĪṢIBHI)**  
**Cật-la hạ tát phệ vĩ năng dã ca (GRAHA SARVE VINĀYAKA)**  
**Thất-chế phộc đắc khát-sái noa, vĩ la dựng tát đá (ŚCA VATA KṢAṆA**  
**VIRAYAM GATA)**

**Đát nễ dã tha (TADYATHĀ)**  
**Nghi lị, nghi lị, nghi lị ni (GIRI GIRI GIRIṆI)**  
**Nghi lị phộc đế (GIRI VATI)**  
**Ngu noa phộc đế (GUṆA VATI)**  
**A ca xả phộc đế (ĀKĀŚA VATI)**  
**A ca xả truật đệ (ĀKĀŚA ŚUDDHE)**  
**Bá bả vĩ nga đế (PĀPA VIGATE)**  
**A ca thể nga nga năng đát lê (ĀKĀŚE GAGANA TALE)**  
**A ca xả vĩ tá lị ni (ĀKĀŚA VICĀRIṆI)**  
**Nhập-phộc lý đa thất lệ (JVALITA ŚIRE)**  
**Ma ni mục khát-để khur (MAṆI MUKTI KHA)**  
**Tức đa mạo lý đà lệ (CITTA BOLI DHARE)**  
**Tô ké thể (SUKĒSĒ)**  
**Tô phộc khát-đát-lê (SOVAKTRA)**  
**Tô mật đát-lê (SUNĪTRĪ)**  
**Tô vật la-noa mạo lý (SUVARṆA BOLI)**  
**A để đế , a nõ đáp-bán ninh ma năng nghiệt đế (ATĪTE AṆATMAMṆI**  
**MANA GATE)**

**Bát-la để-luật đáp-bán ninh (PRATYUTMAMṆI)**  
**Năng mạc tát phệ sam mẫu đà nam (NAMAḤ SARVAŚĀM BUDDHĀNĀM)**  
**Nhập-phộc lý đa để nhạ tam mẫu đệ (JVALITA TEJA SAMBUDDHE)**

**Tổ mẫu đê (SUBUDDHE)**  
**Bà nga phộc đê (BHAGAVATE)**  
**Tổ la khát-sái minh (SURA KṢAṆI)**  
**Tổ khát-sái minh (SUKṢA ME)**  
**Tổ bát-la bệ (SUPRABHE)**  
**Tổ ná minh (SUDAME)**  
**Tổ nan đê (SUNĀMTE)**  
**Tả lệ (CARE)**  
**Bà nga phộc đê (BHAGAVATE)**  
**Bả nại-la phộc đê (BHADRA VATI)**  
**Bả nại-lệ , tổ bả nại-lệ (BHADRE SUBHADRE)**  
**Vĩ ma lê nhạ đã bặt nại-lệ (VIMALE JAYA BHADRE)**  
**Bát-la tán noa tán nị (PRACANḌA CAṆḌI)**  
**Phộc nhật-la tán nị (VAJRA CAṆḌI)**  
**Ma hạ tán nị (MAHĀ-CANḌI)**  
**Kiểu lị (GAURI)**  
**Hiển đà lị (GANDHĀRI)**  
**Chế tán noa lý ( CERI CAṆḌALI )**  
**Ma đặng nghĩ (MATAMGI)**  
**Phó yết tư xả phộc lị nại-la nhĩ nị (PUKAṢI ŚAVARI DRAMIṆḌI)**  
**Lao nại-lị ni (RAUDRIṆI)**  
**Tát phộc la-tha sa đà nãnh (SARVĀRTHA SĀDHANE)**  
**Hạ năng hạ năng, tát phộc thiết đốt-lỗ nẫm (HANA HANA \_ SARVA ŚATRŪNĀM)**  
**Nhược hạ nhược ha (DAHA DAHA)**  
**Tát phộc nốt sắt-tra nam (SARVA DUṢṬANĀM)**  
**Tát lệ đa (PRETA )**  
**Tỷ xá tả ( PISĀCA )**  
**Noa chỉ nãnh nam ( ḌĀKINĪNĀM )**  
**Ma nô sái (MANUṢYA)**  
**Ma nô sái nẫm (AMANUṢYANĀM)**  
**Bả tả bả tả (PACA PACA)**  
**Hột-lị nãi diêm vĩ đà-vông sa đã nhĩ vĩ đăm (HRDAYA VIDHVAMŚAYA JĪVITAM)**  
**Tát phộc nốt sắt-tra ngật-la hạ nẫm (SARVA DUṢṬA GRAHĀNĀM)**  
**Nặng xả đã nặng xả đã (NĀŚAYA NĀŚAYA)**  
**Tát phộc bá bả nãnh minh (SARVA PĀPAN ĪME)**  
**La khát-sái, la khát-sái hàm (RAKṢA RAKṢA MĀM)**  
**Tát phộc tát đất-phộc nan tả (SARVA SATVĀNĀMCA)**  
**Tát phộc bà dữu bát nại-la phệ tỳ-duợc (SARVA BHAYOPADRAVEBHYAḤ)**  
**Tát phộc nốt sắt-tra nam (SARVA DUṢṬANĀM)**  
**Mãn đà năng củ lỗ (BANDHANAM KURU)**  
**Tát phộc chỉ lý-vĩ sái nặng xả nãnh (SARVA KILIṢA NĀŚANI)**  
**Mạt đa nan nị ma nãnh nãnh, tả lệ để trí để trí nãnh (MĀTA NAṆḌI MĀNINI CALE TIṬI TIṬINI)**  
**Đốt lai cụ la ni vị la ni (TUṬAI GHORAṆI VĪRAṆI)**  
**Bát-la vật la tam ma lệ (PRAVARA SAMMARE)**

**Tán noa lý (CANḌALI)**  
**Ma đặng kỳ (MATAMGI)**  
**Vạt tạt tư, tổ mẫu lỗ yết tư xả phộc lệ hương ca lệ nại-la vĩ nị (VACASI SUMURU PUKAṢI ŚĀVARI ŚAMKARI DRAVINḌI)**  
**Nhược hạ nãnh bả tả nãnh mặt ná nãnh (DAHANI PACANI MADANI)**  
**Tát la tát la lê (SARA SARALE)**  
**Tát la lăm bệ tứ nấng (SARALAMBHE HĪNA)**  
**Mặt địa-dữu đắc-khắc sắt-tra (MADHYOKRṢṬA)**  
**Vĩ ná lệ ni vĩ đà lệ ni ma tứ lý ( VIDĀRIṆI VIDHĀRIṆI MAHĪLI )**  
**Ma hộ ma hộ lý nãnh (MAHO MAHOLINI)**  
**Nghiệt nãi nãnh, nghiệt noa bạng tể (GAṆENI GAṆA PACE)**  
**Mãn đế mãn đế nãnh (BATI BATINI)**  
**Mãn đế chước khắc-la chỉ nãnh (BATI CAKRA KINI)**  
**Nhạ lê tổ lê (JALE CULE)**  
**Xả phộc lệ xả ma lệ xả phộc lệ (ŚĀVARI ŚAMARI ŚĀVARI)**  
**Tát phộc nhĩ-dã địa hạ la ni (SARVA VYADHI HĀRAṆI)**  
**Tổ nị tổ nị nãnh (CONḌI CONḌINI)**  
**Nãnh nhĩ nãnh nhĩ nãnh một (NIMI NIMINI NIMIM)**  
**Đà lệ đễ-lệ lộ ca nhạ hạ nãnh ( DHARI TRILOKA JAHANI)**  
**Đễ-lệ lộ ca lộ ca yết lệ (TRILOKA LOKA KARI)**  
**Đát-lạt đà đồ ca (TRAI DHĀTUKA)**  
**Nhĩ-dã Phộc lộ chỉ nãnh (VYĀVALOKINI)**  
**Phộc nhật-la bả la thú bả xả khắc nga chước khắc-la đễ-lệ thú la chấn đá ma ni (VAJRA PARASŪ PĀŚA KHADGA CAKRA TRISŪLA CINTĀMAṆI)**  
**Ma hạ vĩ nễ-dã đà la ni (MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆĪ)**  
**La khắc-sái, la khắc-sái hàm (RAKṢA RAKṢA MĀM)**  
**Tát phộc tát đát-phộc nan tả (SARVA SATVĀNĀMCA)**  
**Tát phộc đát-la , tát phộc sa-tha nấng nghiệt đát tả (SARVATRĀ SARVA STHANA GATAṢYA)**  
**Tát phộc nột sắt-tra bà duệ tỳ-duợc (SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ)**  
**Tát phộc ma nô sái ma nô sái bà duệ tỳ-duợc (SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYEBHYAḤ)**  
**Tát phộc vĩ-dã địa tỳ-duợc (SARVA VYĀDHIBHYAḤ)**  
**Phộc nhật-lệ phộc nhật-la phộc đễ (VAJRE VAJRA VATI)**  
**Phộc nhật-la bá ni đà lệ (VAJRAPĀṆI DHĀRE)**  
**Tứ lý tứ lý (HILI HILI)**  
**Nhĩ lý nhĩ lý (MILI MILI)**  
**Tức lý tức lý (CILI CILI)**  
**Tát lý (SILI)**  
**Phộc la phộc la phộc la nễ (VARA VARA VARANI)**  
**Tát phộc đát-la nhạ dã lạp đệ\_ Sa-phộc hạ (SARVATRĀ JAYA LAṆDHI \_ SVĀHĀ)**  
**Bá bả vĩ ná la ni (PĀPA VIDĀRAṆI)**  
**Tát phộc nhĩ-dã địa ha la ni\_ Sa-phộc hạ (SARVA VYĀDHI HĀRAṆI\_ SVĀHĀ)**  
**Tát phộc đát-la bà dã hạ la ni\_ sa-phộc hạ (SARVATRĀ BHAYA HĀRAṆI \_ SVĀHĀ)**



**Bồ sát-trí sa-phộc sa-đề bà phộc đồ ma ma (...)** Sa-phộc hạ [PUṢṬI SVASASTIRBHAVATU MAMA (.....) SVĀHĀ]

**Phiến đề Sa-phộc hạ** (ŚĀNTI SVĀHĀ)

**Bồ sát-trí Sa-phộc hạ** (PUṢṬI SVĀHĀ)

**Nhạ dã đô nhạ duệ nhạ dã phộc đề** (JAYA TUJAYE JAYAVATI)

**Nhạ dã vĩ bồ la vĩ ma lê Sa-phộc hạ** (JAYA VIPULA VIMALE SVĀHĀ)

**Tất phộc đát tha nghiệt đa, địa sát-xá năng, bố la-đề Sa-phộc hạ** (SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA PURTI SVĀHĀ)

**Án Bộ li bộ li phộc nhật-la phộc đề** (OM BHURI BHURI VAJRAVATI)

**Đát tha nghiệt đa hột-li nãi dã bố la ni tán đà la ni** (TATHĀGATA HRDAYA PURANI SANDHĀRANI)

**Mạt la mạt la nhạ dã vĩ nễ-duệ** (BALA BALA JAYA VIDYE)

**Hồng hồng** (HŪM HŪM)

**Phát tra phát tra** (PHAT PHAT)

**Sa-phộc hạ** (SVĀHĀ)

Đức Phật bảo Đại Phạm: “Nếu có người dùng câu cú của Như Lai **Thân Minh Đà La Ni** làm cứu tế nhiếp thọ gia hộ, hay làm Pháp Túc Tai, làm Pháp Cát Tường che chận sự trách phạt, thành **Đại Gia Hộ**.

\_ Nếu có người sắp hết thọ mệnh, tụng Chân Ngôn này lại được diên mệnh tăng thọ, mạng sống kéo dài rất lâu, thường được an vui, được **Đại Niệm Tri**.

\_ Nếu dùng chày Kim Cương vừa tụng niệm gia trì, giả sử có bị tai họa, đại tật phi mệnh đều được giải thoát. Tất cả bệnh tật đều được trừ diệt.

\_ Người bị bệnh hoạn lâu ngày, tụng Chân Ngôn này gia trì vào góc áo Cà Sa rồi đem phủ phát lên người đó thì bệnh liền được trừ khỏi.

\_ Người trì tụng hàng ngày sẽ được Đại Thông Tuệ. Thành tựu được uy lực, đại cần dũng, biện tài. Tất cả tội chướng đã định theo nghiệp báo thảy đều trừ diệt. Tất cả Phạt, Bồ Tát, Trời, Rồng, Dược Xoa... đối với người thọ trì Đà La Ni này sẽ khiến cho Tinh Khí nhập vào thân để tăng thêm uy lực, làm cho Thân Tâm thường được vui thích.

Này Đại Phạm ! **Đại Minh Vương Đại Hộ Đà La Ni** này. Nếu có người cho đến loài bàng sinh, cầm thú được nghe qua tai thì hết thảy nhóm ấy vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi) hướng chi là kẻ trai lành người nữ thiện có tịnh tín (niềm tin trong sạch). **Bật Sô**, **Bật Sô Ni**, **Ô Bà Sách Ca**, **Ô Bà Tư Ca**, **Quốc Vương**, **Vương Tử**, **Bà La Môn**, **Sát Lợi** với các loại khác ... một lần nghe qua **Đại Tùy Cầu Đại Hộ Đà La Ni** này. Nghe xong, Thân Tâm tịnh tín, cung kính viết chép, đọc tụng, sinh Tâm ân trọng tu tập, vì người khác rộng diễn lưu bố.

Đại Phạm nên biết người này thảy đều mau chóng xa lìa tám loại **Phi Mệnh** (chết chẳng đúng mạng). Trong thân người đó chẳng sinh bệnh tật. Người đó chẳng bị lửa, chất độc, đao, gậy, **Cổ Độc**, áp đảo, **Chú Trớ**, các pháp thuốc ác gây tổn hoại đồng thời chẳng bị đau nhức thân thể, đau nhức đầu, các bệnh sốt rét phát theo chu kỳ 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày cho đến 7 ngày phát ra một lần và cũng chẳng bị các bệnh điên cuồng, thần kinh.

Do người này chính niệm ngủ nghỉ, chính niệm giác ngộ nên mau chóng chứng **Đại Niết Bàn**. Đời này được đại phú quý tự tại. Khi sinh ra, ở khắp mọi nơi thường được **Túc Mệnh**. Tất cả Người, Trời thảy đều yêu kính. Dung nghi đoan chính, đều được thoát khỏi tất cả nẻo Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Bàng Sinh giống như mặt trời tỏa sáng chiếu soi tất cả Hữu Tình, ví như mặt trăng đem **Cam Lộ** (Amṛta) rưới vẩy lên thân của tất cả Hữu Tình khiến cho yêu thích người đó. Dùng **Cam Lộ** của Pháp nhập vào

trong sự tương tục trong Tâm của tất cả Hữu Tình... khiến cho tươi tốt, sáng bóng, vui vẻ. Tất cả hàng **Được Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Bộ Đa** (Bhūta), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tất Xá Già** (Piśāca), **Điên Giảo Quỷ** (Unmāda: Quỷ điên cuồng), **Noa Chỉ Ninh** (Dākiṇī), chư My, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) hung ác ... thấy đều dùng uy lực Đại Hộ của Đại Tùy Cầu khiến cho chúng chẳng dám xâm nhiễu. Nếu đến vùng lân cận, nghĩ nhớ **Đại Hộ Minh Vương** này thì tất cả loài có Tâm ác đối với người trì tụng sẽ phát sinh lòng vui vẻ, thọ giáo rồi bỏ đi.

Do uy lực của **Đại Tùy Cầu Đại Hộ Minh Vương** này, cuối cùng không có oán địch sợ hãi vì các oán địch đó chẳng dám lấn bức.

\_ Hoặc nếu có người lỡ bị phạm tội với Quốc Vương, Đại Thần, Bà La Môn, Trưởng Giả... mà bị xử tội chết. Vào lúc thọ hình sắp bị đao kiếm chặt chém, nếu vừa nghĩ nhớ đến **Đại Hộ Minh Vương** này thì cây đao ấy sẽ gãy nát từng đoạn giống như bụi nhỏ. Người thọ tội ấy liền được tỏ ngộ sự bình đẳng của tất cả Pháp và được sức **Đại Niệm**.

Bấy giờ Đức Như Lai nói **Già Đà** (Gāthā) rằng:

“\_ **Đại Hộ** gia trì này

Thanh Tĩnh diệt các tội

Hay tác **Tuệ Cát Tường**

Tăng trưởng các Công Đức

Hay mãn các **Cát Khánh** (điều may mắn tốt lành)

Hay gặp mộng tươi đẹp

Hay tịnh các mộng ác

\_ **Đại Minh Đại Hộ** này

Giúp Trượng Phu, người nữ

Trong khoảng khắc giải thoát

Nơi trông vắng hiểm nguy

Được các nguyện mong ước

Như Chính Đẳng Giác nói

\_ Nếu bị mất lối đi

Niệm **Đại Minh Vương** này

Mau chóng được đường chính

Được ăn uống thù thắng

\_ Dùng Nghiệp thân khẩu ý

Thời trước gây các tội

Chẳng hề làm nghiệp lành

Vừa nhớ đến **Minh** này

Thấy đều được tiêu diệt

\_ Viết chép và thọ trì

Chuyển đọc và niệm tụng

Vì người khác tuyên nói

Các Pháp đều thông đạt

Như vậy được **Pháp Vị**

Các tội liền tiêu diệt

Tâm Ý cầu niềm vui

Các việc đều thành tựu

Trong cái chết, sợ hãi

Thấy đều được cứu hộ

\_ Vua, Quan với nước, lửa  
Sương, mưa đá, trộm cướp  
Chiến đấu và kiện cáo  
Nạn thú nanh vuốt bén  
Tất cả đều tiêu dung  
\_ Do tụng **lạc xoa** biến (Lakṣa: một trăm ngàn lần)  
Mau thành tựu **Minh** này  
Tất cả chư Phật nói  
Xưng tụng khiến vui vẻ  
Mãn **tu lương** (Sambhāra: lương thực, hành trang cá nhân) **Bồ Đề** (Bodhi)  
\_ Tất cả nơi trú ngụ  
Nếu dùng **Đại Minh** này  
Tạo làm nơi gia trì  
Muốn làm các sự nghiệp  
Việc lợi ích Ta, Người  
Nhậm vận được thành tựu  
Dùng **Đại Hộ** không nghi  
  
\_ Đại Phạm ! Ông nên biết  
Nay Ta lại tuyên nói  
Vì người bị bệnh nặng  
Nên làm **Tứ Phương Đàn** (Đàn vuông vức)  
**Cù Ma** (Gomayī: phân bò) hòa bùn đất  
Dùng phấn ngũ sắc vẽ  
Mà làm Mạn Trà La (Maṇḍala)  
Đặt bốn bình bốn góc  
Bạc Trí y **Nghi Quỹ**  
Rải các hoa trên Đàn  
Nên đốt hương thù thắng  
Dâng mọi thức ăn uống  
Khiến người thấy *tịnh tín*  
Như vậy dùng hương hoa  
Y theo Pháp phụng hiến  
Bốn góc cắm bốn **tiễn** (4 mũi tên)  
Dùng chỉ ngũ sắc quấn  
Khiến người bệnh tắm gội  
Mặc quần áo thanh tịnh  
Toàn thân bôi dầu thơm  
Dẫn vào chính giữa Đàn  
Ngồi đối mặt phương Đông  
\_ Bảy giờ người Trì Minh  
Tụng **Đại Minh** này trước  
Khiến đầy đủ bảy biến  
Tự gia trì thân mình  
Tiếp tụng hăm một biến (21 lần)  
Gia trì cho người bệnh  
Do tụng **Đại Hộ** này  
Các bệnh đều ngưng trừ  
\_ Liên lấy một bình nước

Đầy hương hoa ẩm thực  
Tác gia hộ bảy lần  
Ném xa về phương Đông  
Tiếp lấy bình phương Nam  
Hương, hoa, thực (thức ăn) như Giáo  
Như trước tụng bảy biển  
Ném xa về phương Nam  
Tiếp dùng bình phương Tây  
Hương, hoa, thức ăn uống  
Y Pháp gia trì trước  
Phương Bắc cũng như thế  
Bảy giờ người trì tụng  
Ngửa mặt hướng phương trên  
Tụng **Minh** này một biển  
Thành gia trì thù thắng  
\_ Đại Phạm ! Làm xong rồi  
Tất cả khổ đều trừ  
Pháp gia trì như vậy  
**Thích Sư Tử** (Śākya-siṃha) đã nói  
Trong tất cả các Pháp  
Không có gì sánh bằng  
**Thắng Hộ** (hộ giúp hơn hẳn) trong ba cõi (Tam Giới)  
Người đó không chết yếu  
Không già cũng không bệnh  
Khỏ: **Oán ghét, Ly Biệt**  
\_ Nếu hay tại **Lý Quán**  
Tâm xa lìa buồn khổ  
Vói lìa khổ **Thọ Uẩn**  
Chúng Diêm Ma cúng dường  
Pháp Vương cõi Diêm Ma  
Cung kính mà thừa sự  
Bảo người Trì Minh ấy  
Mau qua nơi **Thiên Thú** (cõi Trời)  
Do **Đại Minh** này nên  
Địa Ngục đều hết sạch  
Ất nự Cung Điện diệu  
Đủ uy lên trên Trời  
Tất cả Người và Trời  
Chúng Dược Xoa, La Sát  
Hết thấy đều cúng dường  
Thường sẽ được Phước này  
Thế nên thường Thọ Trì  
\_ **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pāṇi-bodhisatva)  
Bí Mật Dược Xoa Tướng  
**Đế Thích** (‘Sakra), **Xá Chi Hậu** (Śaci: vợ của Đế Thích)  
Chúng **Ha Lị Đế Mẫu** (Hārtye-mātṛ)  
**Bán Chi Ca Dược Xoa** (Pañcika-yakṣa)  
**Hộ Thế Đại Uy Đức**  
**Nhật** (Āditya: mặt trời), **Nguyệt** (Candra: mặt trăng) và **Tinh Tú** (Nakṣatra)

**Chấp Diệm** (Grahā), loài mãnh ác  
Tất cả **Đại Long Vương** (Mahā-nāga-rāja)  
**Chư Thiên** (Devānām) và **Tiên Chúng** (Ṛṣi-gaṇa)  
**A Tu La** (Asura) với **Rồng** (Nāga)  
**Kim Xí** (Garuḍa), **Càn Thát Bà** (Gandharva)  
**Khẩn Na** (Kimnara), **Ma Hầu La** (Mahoraga)  
Do viết đeo **Minh** này  
Luôn luôn theo bên cạnh  
Do y Pháp tụng trì  
Đắc được *đại vinh thịnh* (hiền đạt hưng thịnh lớn lao)”

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Kinh này xong thời các Đại Bồ tát, chúng Đại Thanh Văn với Phạm Thiên Vương, tất cả hàng Trời, Rồng, Dược Xoa, A Tô La, Càn Thát Bà, Nghiệt Lộ Trà, Khẩn Na La, Ma Hô La Già, Người, Phi Nhân ... đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO AN  
TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI  
\_QUYÊN HẠ (Hết)\_

\_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược Xoa  
Đều nghe Phật Pháp nên chí tâm  
Ứng hộ Phật Pháp mãi trường tồn  
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy  
Bao nhiêu hữu tình đến chốn này  
Hoặc trên đất bằng hoặc hư không  
Thường đời người đời khởi Từ Tâm  
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở

\_ Nguyện các thế giới thường an ổn  
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh  
Bao nhiêu tội nghiệp thấy tiêu trừ  
Xa lìa các Khổ, về Viên Tịch  
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng  
Thường khoác áo Định để an thân  
Hoa Diệm Bồ đề trang nghiêm khắp  
Tùy theo chỗ ở thường an lạc.

TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐẠI TÂM ĐÀ LA NI  
(Bản này y theo Bản đời Minh cf.P.626)

1. **Năng mô mẫu đà dã** (NAMO BUDDHĀYA)
2. **Năng mô đạt ma dã** (NAMO DHARMĀYA)
3. **Ná mạc tăng già dã** (NAMAḤ SAṂGHĀYA)
4. **Năng mô bà nga phộc đế** (NAMO BHAGAVATE)
5. **Xá chỉ-dã mẫu năng duệ** (ŚĀKYAMUNĀYE)
6. **Ma hạ ca lỗ ni ca dã** (MAHĀ KĀRUṆIKĀYA)

7. **Đát tha nghiệt đát dạ** (TATHĀGATĀYA)
8. **La-hạ đế, Tam muội tam mẫu đà dã** (ARHATE SAMYAKSAMBUDDHĀYA)
9. **Ná mạc táp đáp Tỳ-dược Tam miệu tam một đề tỳ-dược** (NAMAḤ SAPTEBHYAḤ SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ )
10. **Ê sam ná mạc sa cật-lị đát-phộc** (EṢĀM NAMAḤ SKṚTVĀ)
11. **Mẫu đà xá sa năng vật-lã đà duệ** (BUDDHA ŚASANA VRDHAYE)
12. **A hạ A ná nãnh-dần** (AHAM ADĀNYĀM)
13. **Bát-la phộc khát-sái minh** ( PRAVAKṢA ME)
14. **Tát phộc tát đát-phộc nỗ kiến bả dạ** (SARVA SATVA ANUKAMPAYĀ)
15. **I hàm \_ vĩ niệ m \_ ma hạ đế cứu** (IMĀM VIDYA MAHĀ-TEJĪ)
16. **Ma hạ ma la bả la cật-la hàm** (MAHĀ-MĀLA PARĀKRAMĀM)
17. **Duệ xiêm bà sử đam ma tị đát-la điể m** (YE ṢYAM BHAṢITAM MĀTRĀYAM)
18. **Phộc nhật-la sa năng ma nãnh sử lị** (VAJRĀSANA MAṆI SIRI)
19. **Ngật-la hạ \_ Tát phộc vĩ năng dã ca** (GRAHA SARVA VINĀYAKA)
20. **Thất-chế tát đát đắ c-vĩ-sái noa vĩ la dụng nghiệt đát** (ŚCA VATA KṢAṆA VĪRAYAM GATA)
21. **Đát nễ dã tha** (TADYATHĀ)
22. **Nghĩ lị, nghĩ lị, nghĩ lị ni** (GIRI GIRI GIRIṆI)
23. **Nghĩ lị phộc đề** (GIRI VATI )
24. **Ngu noa phộc đề** (GUṆA VATI)
25. **A ca xả phộc đề** (ĀKĀŚA VATI)
26. **A ca xả la truật đệ \_ Bá bả vĩ nga đế** (ĀKĀŚA ŚUDDHE\_ PĀPA VIGATE)
27. **A ca thế nga nga năng đát lê** (ĀKĀŚE GAGANA TALE)
28. **A ca xả vĩ tá lị ni** (ĀKĀŚA VICĀRIṆI)
29. **Nhập-phộc lý đa thất-lê** (JVALITA ŚIRE)
30. **Ma ni mục cật-đề khư, tức đa mạo lý đà lê** (MAṆI MUKTI KHA CITTA BOLI DHARE)
31. **Tô kế thế** (SUKĒSE)
32. **Tô phộc cật đát lê** (SUVAKTRĪ)
33. **Tô mật đát lê** (SUNĪTRĪ)
34. **Tô vật la-noa mạo lý** (SUVARṆA BOLI)
35. **A đề đế, A noa đáp-bán ninh, ma năng nghiệt đế** (ATĪTE AṆĀTMAMṆI MANA GATE)
36. **Bát la đề-luật đáp-bán ninh** (PRATYUTMAMṆI)
37. **Năng mô tát phệ sam mẫu đà nam** (NAMO SARVEŚAM BUDDHĀNĀM)
38. **Nhập-phộc lý đa đế nhạ tam mẫu đệ** (JVALITA TEJA SAMBUDDHE)
39. **Tổ mẫu đệ** (SUBUDDHE)
40. **Bà nga phộc đề** (BHAGAVATE)
41. **Tổ la khát-sái ni** (SURA KṢAṆI)
42. **Tổ khát-sái minh** (SUKṢA ME)
43. **Tổ bát-la bệ** (SUPRABHE)
44. **Tổ ná minh** (SUDAME)
45. **Tổ nam đế** (SUNĀMTE)
46. **Ca lê** (CALE)
47. **Bà nga phộc đề** (BHAGAVATE)
48. **Bạt nại-la Phộc-đề** (BHADRA VATI)

49. **Bạt nại-lê** (BHADRE)
50. **Tổ bạt nại-lê** (SUBHADRE)
51. **Vĩ ma lê nhạ dã bạt nại lê** (VIMALE JAYA BHADRE)
52. **Bát-la tán noa tán nị** (PRACAṆḌA CAṆḌI)
53. **Phộc nhật-la tán nị** (VAJRA CAṆḌI)
54. **Ma hạ tán nị** (MAHĀ-CANḌI)
55. **Kiều lệ** (GAURI)
56. **Hiền đà lệ** (GANDHĀRI)
57. **Lai lý tán noa lý** (CERI CAṆḌALI)
58. **Ma đặng nghĩ** (MATAṆGI)
59. **Phú yết tư xả phộc lệ nại-la nhĩ lệ** (PUKASI ŚĀVARI DRAMIṆḌI)
60. **Lao nại-lị ni** (RAUDRIṆI)
61. **Tát phộc la-tha sa đà nãnh** (SARVĀRTHA SĀDHANE)
62. **Hạ nấng Hạ nấng** (HANA HANA)
63. **Tát phộc thiết đốt-lỗ nẫm, nhược hạ nhược hạ** (SARVA ŚATRŪNĀM DAHA DAHA)
64. **Tát phộc nốt sắt-tra nam** (SARVA DUṢṬANĀM)
65. **Tát-lệ đa, Tỳ xá tả noa chỉ nãnh nam** (PRETA PIŚĀCA ḌĀKIṆĪNĀM)
66. **Ma nỏ sái ma nỏ sái nẫm** (MANUṢYA AMANUṢYANĀM)
67. **Bả tả Bả tả** (PACA PACA)
68. **Hột-lị nãi diêm, vĩ đà-vông sa dã nhĩ vĩ đăm** (HRDAYAM VIDHVAMŚAYA JĪVITAM)
69. **Tát phộc nốt sắt-tra ngật-la hạ nẫm** (SARVA DUṢṬA GRAHANĀM)
70. **Nấng xả dã, nấng xả dã** (NĀŚAYA NĀŚAYA)
71. **Tát phộc bá bả nãnh minh la khát-sái la khát-sái hàm** (SARVA PĀPA NIME RAKṢA RAKṢA MĀM)
72. **Tát phộc tát đát-phộc nam tả** (SAVA SATVĀNAMCA)
73. **Tát phộc bà dữu bát nại-la phệ tỳ-dược** (SARVA BHAYOPADRAVEBHYAḤ)
74. **Tát phộc nốt sắt-tra nam mẫn đà nấng củ lỗ** (SARVA DUṢṬANĀM BANDHANAM KURU)
75. **Tát phộc chỉ lý-vĩ sái nấng xả nãnh** (SARVA KILIṢA NĀŚANI)
76. **Mạt đa nam nị ma nãnh nãnh tả lê để trí để trí nãnh** (MĀTA NAṆḌI MĀNINI CALE TIṬI TIṬINI)
77. **Đốt tại cụ la ni vị la ni** (TUṬAI GHORANI VĪRAṆI)
78. **Bát-la vạt la, tam ma le** (PRAVAVA SAMMALE)
79. **Tán noa lý** (CAṆḌALI)
80. **Ma đặng kỳ** (MATAṆGI)
81. **Vạt tạt tư tổ lỗ phó yết tư xả phộc lý hương ca lệ nạo-la vĩ lệ** (VACASI SURU PUKASI ŚĀVARI ŚAMKĀRI DRAVAṆḌI)
82. **Nhược hạ nãnh bả tả nãnh mặt ná nãnh** (DAHANI PACANI MADANĪ)
83. **Tát la la, tát la lê** (SARALA SARALE)
84. **Tát la lẫm bệ tứ nấng** (SARALAMBHE HĪNA)
85. **Mạt địa-dữu đắ-cật-lị sắt-tra** (MADHYOKRṢṬA)
86. **Vĩ ná lệ ni** (VIDĀRIṆI)
87. **Vĩ đà lệ ni** (VIDHĀRIṆI)
88. **Ma tứ lý** (MAHĪLI)
89. **Ma hộ ma hộ lý nãnh** (MAHO MAHO LINI)

90. **Tát nãi nãnh tát noa bạng tễ** (GAṆENI GAṆA PACE)
91. **Mãn đế mãn đế nãnh** (VATI VATINI)
92. **Mãn đế chước cật-la phộc chỉ nãnh** (VATI CAKRA VĀSINI)
93. **Nhạ lê tổ lê** (JALE CULE)
94. **Xả phộc lị xả ma lị xả phộc lị** (ŚĀVARI ŚAMARI ŚĀVARI)
95. **Tát phộc nhĩ -dã địa hạ la ni** (SARVA VYĀDHI HĀRAṆI)
96. **Tổ nị tổ nị nãnh** (COṆḌI COṆḌINI)
97. **Nãnh nhĩ nãnh nhĩ** (NIMI NIMI)
98. **Nãnh mẫn đà lị để lị lộ ca nhạ hạ nãnh** (NIMIM DHARI TRILOKA JAHANI)
99. **Đệ-lị lộ ca lộ ca yết lị** (TRILOKA LOKA KARI)
100. **Đát-lạt đà đồ ca nhĩ-dã phộc lộ chỉ nãnh** (TRAIDHĀTUKA VYĀVALOKINI)
101. **Phộc nhật-la bả la thú bá xả Khát nga chước cật-la để lị thú la đá ma ni** (VAJRA PRASŪ PĀŚA KHADGA CAKRA TRISŪLA CINTĀMAṆI)
102. **Ma hạ vĩ nễ-dã đà la ni** (MAHĀ-VIDYA-DHĀRAṆĪ)
103. **La khát-sái la khát-sái Hàm \_ Ma ma tát phộc tát đát-phộc nam tả** (RAKṢA RAKṢA MĀM MAMA SARVA SATVĀNĀMCA)
104. **Tát phộc tát-la tát phộc sa-tha nãng nghiệt đát tả** (SARVATRĀ SARVA STHANA GATASYA)
105. **Tát phộc nốt sắt-tra bà duệ tỳ-dược** (SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ)
106. **Tát phộc ma nỗ sái, ma nỗ sái bà duệ tỳ-dược** (SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYEBHYAḤ)
107. **Tát phộc vĩ-dã địa tỳ-dược** (SARVA VYĀDHIBHYAḤ)
108. **Phộc nhật-lê phộc nhật-la phộc để** (VAJRE VAJRA-VATI)
109. **Phộc nhật-la bá ni đà lê** (VAJRA-PĀṆI DHĀRE)
110. **Tứ lý tứ lý** (HILI HILI)
111. **Nhĩ lý nhĩ lý** (MILI MILI)
112. **Tứ lị tứ lị** (CILI CILI)
113. **Tát lý tất lý** (SILI SILI)
114. **Phộc la phộc la phộc la nễ** (VARA VARA VARANI)
115. **Tát phộc đát-la nhạ dã lập đệ \_ Sa-phộc hạ** (SARVATRĀ JAYA LAMVI SVĀHĀ)
116. **Bá bả vĩ ná la ni** (PĀPA VIDĀRAṆI)
117. **Tát phộc nhĩ-dã địa hạ la ni \_ Sa-phộc hạ** (SARVA VYĀDHI HĀRAṆI SVĀHĀ)
118. **Tát phộc đát-la bà dã, hạ la ni \_ Sa-phộc hạ** (SARVATRĀ BHAYA HĀRAṆI SVĀHĀ)
119. **Sa-phộc Sa-để bà phộc đô ma ma (.....), sa-phộc hạ** (SVASTIRBHAVATU MAMA....)
120. **Phiến để \_ Sa-phộc hạ** (ŚĀNTI SVĀHĀ)
121. **Bổ sắt-trí \_ Sa-phộc hạ** (PUṢṬI SVĀHĀ)
122. **Nhạ dã đô nhạ duệ nhạ dã phộc để** (JAYA TUJAYE JAYA-VATI)
123. **Nhạ dã vĩ bổ la vĩ ma lê \_ Sa-phộc hạ** (JAYA VIPULA VIMALE SVĀHĀ)
124. **Tát phộc đát tha nghiệt đa, địa sắt-xá nãng bổ la-để \_ Sa-phộc hạ** (SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA PURTI SVĀHĀ)
125. **Án \_ Bộ lị, bộ lị \_ Phộc nhật la phộc để** (OM\_ BHURI BHURI VAJRA-VATI)



126. **Đát tha nghiệt đa hột lệ nãi dã \_ Bồ la ni Tán đà la ni** (TATHĀGATA HRDAYA PURAṆI SANDHARAṆI)

127. **Mạt la mạt la nhạ dã vĩ nễ-duệ, hồng hồng, phát tra, phát tra, sa-phộc hạ** (BALA BALA JAYA VIDYE \_ HŪṀ HŪṀ PHAṬ PHAṬ\_ SVĀHĀ)

Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm hai quyển vào ngày 15/04/2013